CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

VAI TRÒ CỦA KẾ TOÁN

Theo Luật Kế toán ban hành ngày 17/06/2003:

“ Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiên vật và thời gian lao động”

=> Vai trò của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế, tài chính cho những người có nhu cầu sử dụng làm cơ sở cho việc ra các quyết định kinh tế

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

KTTC

- **Đối tượng sử dụng t. tin:**
  ➔Cả trong và ngoài DN
- **Đặc điểm thông tin:**
  ➔Tuân thủ các nguyên tắc KT
  ➔Phản ảnh các sự kiện quá khứ
- **Yêu cầu thông tin:**
  ➔Đòi hỏi tính khách quan chính xác cao.
- **Các loại báo cáo:**
  ➔Báo cáo Tài chính theo qui định của NN
  ➔Thường xuyên
- **Tính pháp lệnh:**
  ➔Có tính pháp lệnh

KTQT

- **Đối tượng sử dụng t. tin:**
  ➔NQT trong DN
- **Đặc điểm thông tin:**
  ➔Linh hoạt, không qui định cụ thể
  ➔Hướng về tương lai
- **Yêu cầu thông tin:**
  ➔Đòi hỏi tính kịp thời hơn tính chính xác
- **Các loại báo cáo:**
  ➔Báo cáo đặc biệt
  ➔Thường xuyên
- **Tính pháp lệnh:**
  ➔Không có tính pháp lệnh

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

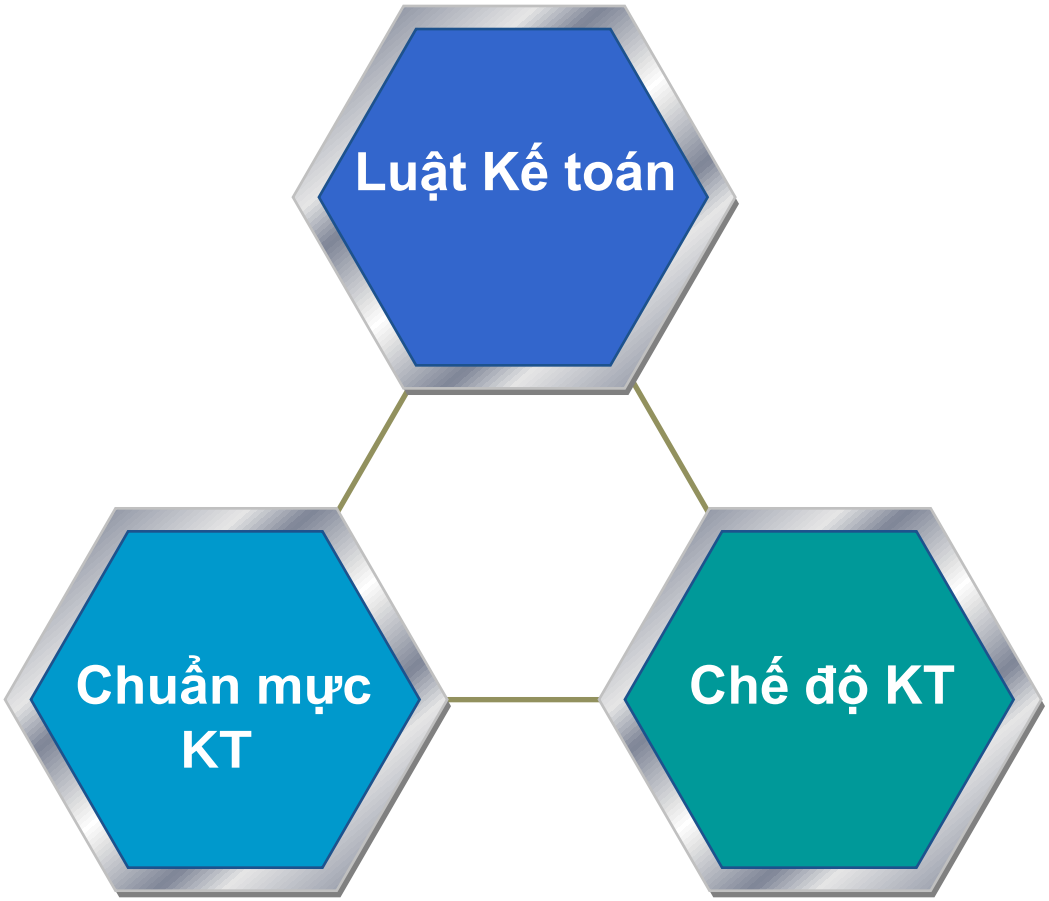

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

LUẬT KẾ TOÁN

Được QH thông qua ngày 17/06/2003 và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2004

- **Có tính pháp lý cao nhất**
- **Quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc**
- **Làm cơ sở để xây dựng CMKT và CĐKT**

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

LUẬT KẾ TOÁN

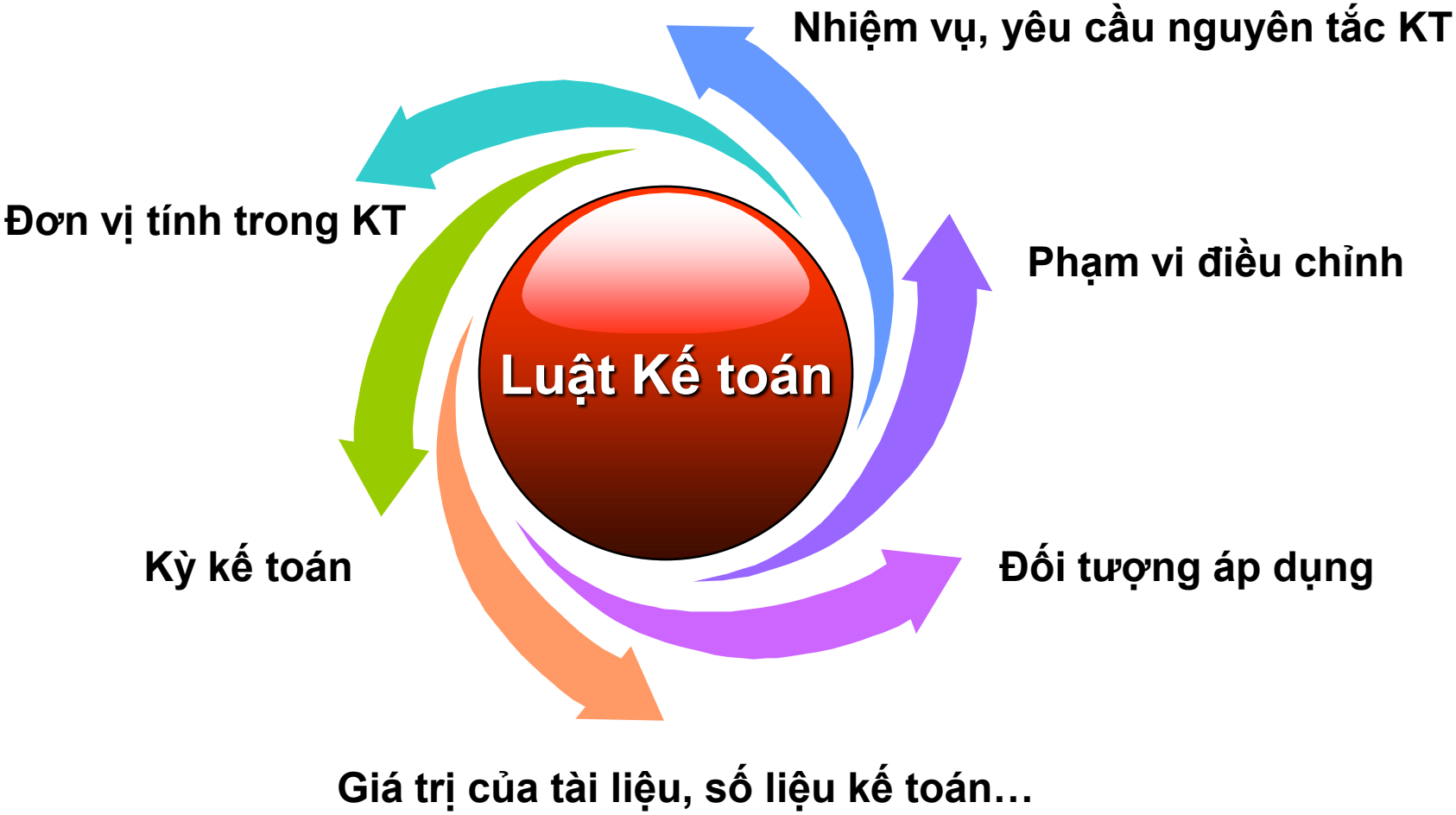

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

- CMKT là những quy định và hướng dẫn các nguyên tắc, nội dung, phương pháp và thủ tục kế toán cơ bản, chung nhất làm cơ sở ghi chép kế toán và lập BCTC nhằm đạt được sự đánh giá trung thực, hợp lý khách quan về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

CHUẨN MỰC KẾ TOÁN

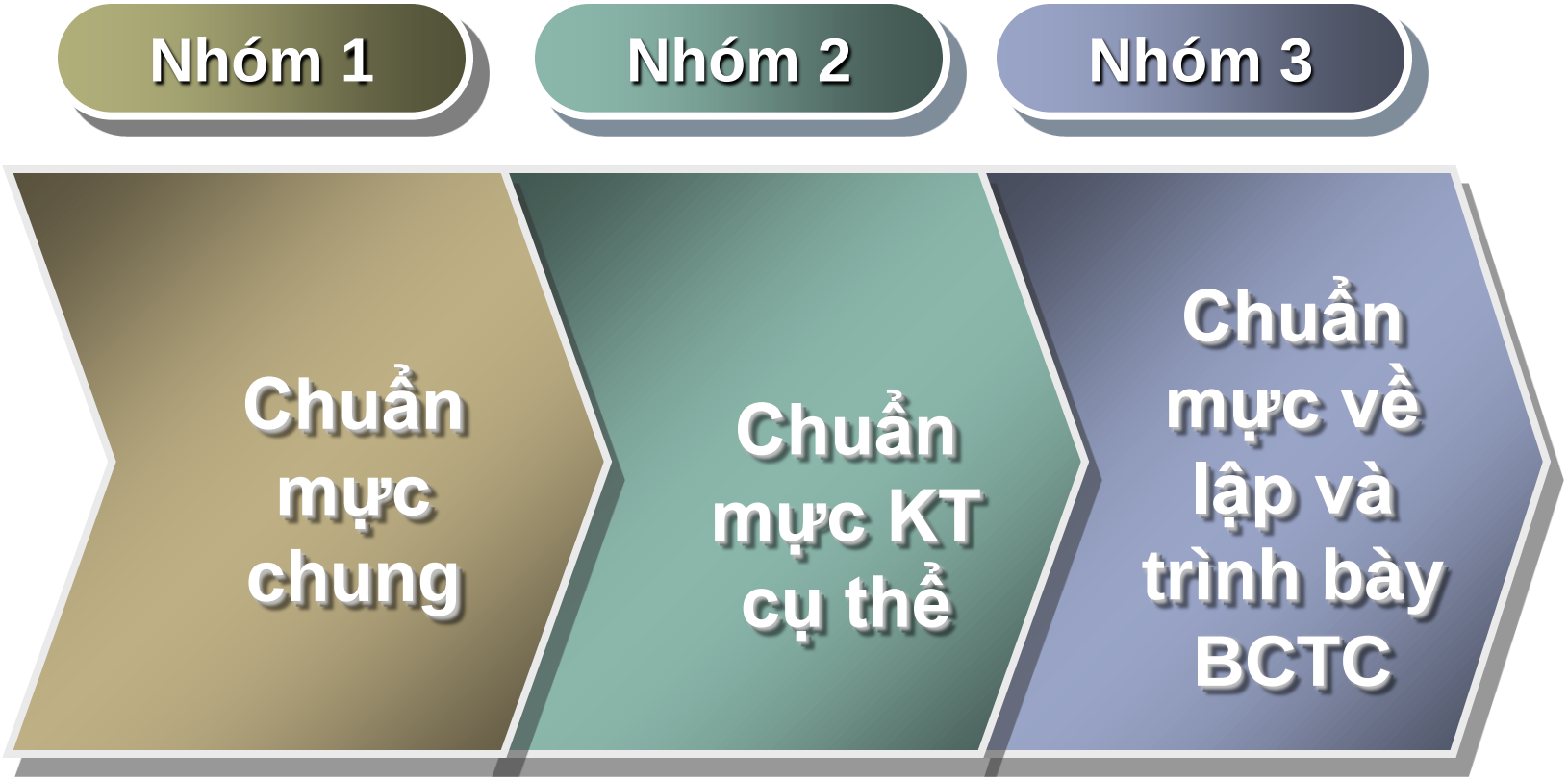

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

- **Mục đích ban hành:**

Nhằm hướng dẫn cụ thể cho Luật Kế toán và CMKT

- **Các chế độ kế toán đã ban hành:**

- Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
- Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo QĐ 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006
- Chế độ, hướng dẫn kế toán đặc thù.

MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CỦA KẾ TOÁN

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN THEO QUYẾT ĐỊNH 15/2006/QĐ- BTC

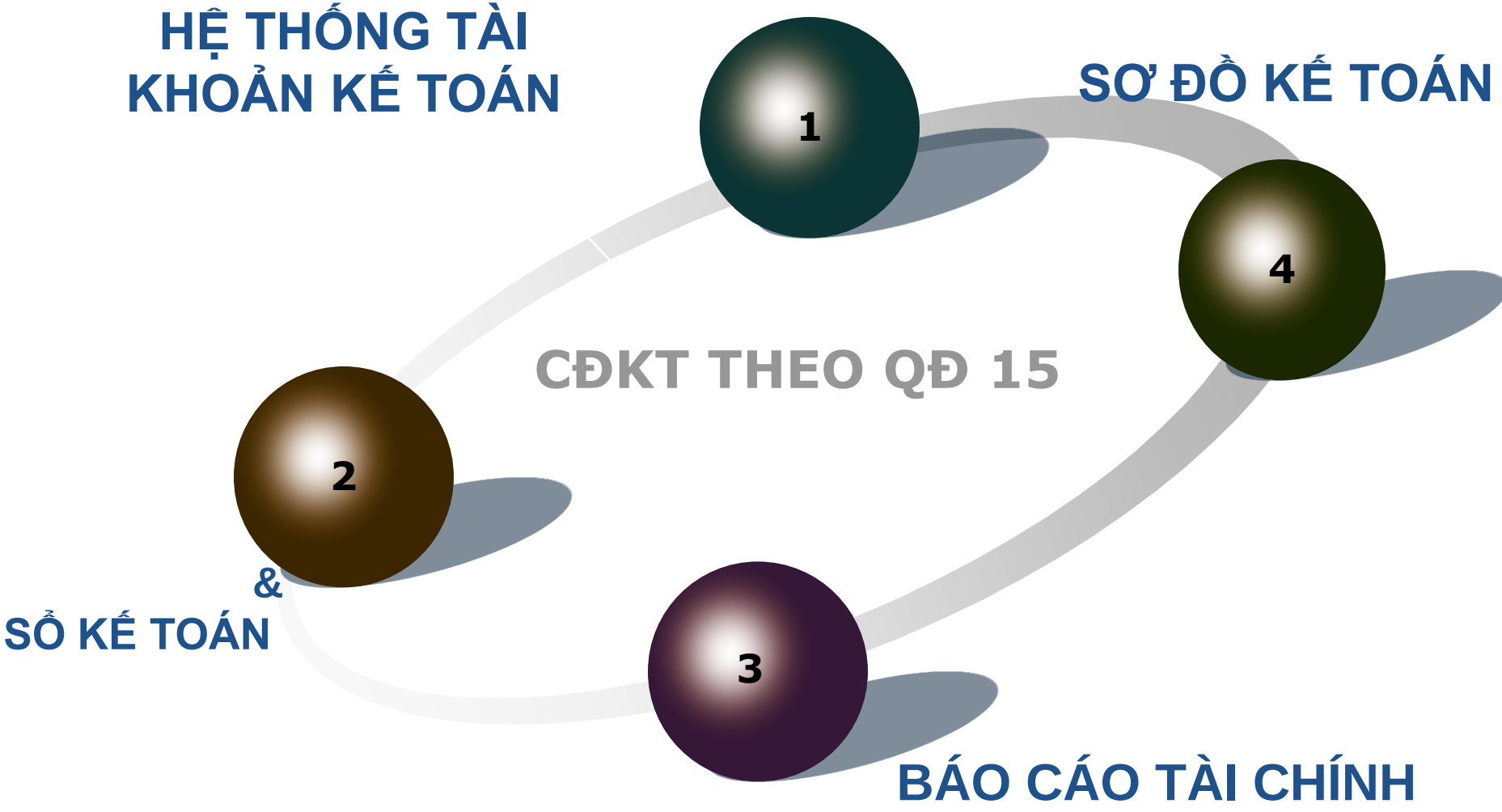

CHUẨN MỰC CHUNG

CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Các nguyên tắc KT cơ bản

- Cơ sở dồn tích (Accruals)
- Hoạt động liên tục (Going concern)
- Giá gốc (History cost)
- Phù hợp (Matching)
- Nhất quán (Consistency)
- Trọng yếu (Materiality)
- Thận trọng (Prudence)

CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Cơ sở dồn tích (Accruals)

- Mọi nghiệp vụ kinh tế tài chính của DN liên quan đến Tài sản, Nợ phải trả, Nguồn vốn chủ sở hữu, Doanh thu, Chi phí phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền. BCTC lập trên cơ sở dồn tích phản ảnh tình hình tài chính của DN trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Hoạt động liên tục (Going concern)

- BCTC phải được lập trên cơ sở giả định là DN đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, nghĩa là DN không có ý định cũng như không buộc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Trường hợp thực tế khác với giả định hoạt động liên tục thì BCTC phải được lập trên cơ sở khác và phải giải thích cơ sở đã sử dụng để lập BCTC.

CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Giá gốc (History cost)

- Tài sản phải được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của tài sản đó vào thời điểm tài sản đó được ghi nhận. Giá gốc của tài sản không được thay đổi trừ khi có quy định khác trong chuẩn mực kế toán cụ thể.

Phù hợp (Matching)

- Việc ghi nhận Doanh thu và Chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản Doanh thu thì phải ghi nhận một khoản Chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra Doanh thu đó. Chi phí tươnng ứng với Doanh thu gồm Chi phí của kỳ tạo ra Doanh thu và Chi phí của các kỳ trước hoặc Chi phí phải trả nhưng liên quan đến Doanh thu của kỳ đó.

CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Nhất quán (Consistency)

- Các chính sách và phương pháp kế toán DN đã chọn phải được áp dụng thống nhất trong một kỳ kế toán năm. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh BCTC.

Trọng yếu (Materiality)

- Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể BCTC, làm ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng BCTC. Tính trọng yếu phụ thuộc vào độ lớn và tính chất của thông tin hoặc các sai sót được đánh giá trong từng trường hợp cụ thể. Tính trọng yếu của thông tin phải được xemm xét trên cả phương diện định lượng và định tính.

CÁC NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CƠ BẢN

Thận trọng (Prudence)

Thận trọng là việc xem xét, cân nhắc, phán đoán cần thiết để lập các ước tính kế toán trong các điều kiện không chắc chắn. Nguyên tắc thận trọng đòi hỏi:

- Phải lập dự phòng nhưng không lập quá lớn
- Không đánh giá cao hơn giá trị của các tài sản và các khoản thu nhập
- Không đánh giá thấp hơn giá trị các khoản nợ phải trả và chi phí
- Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế, còn chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

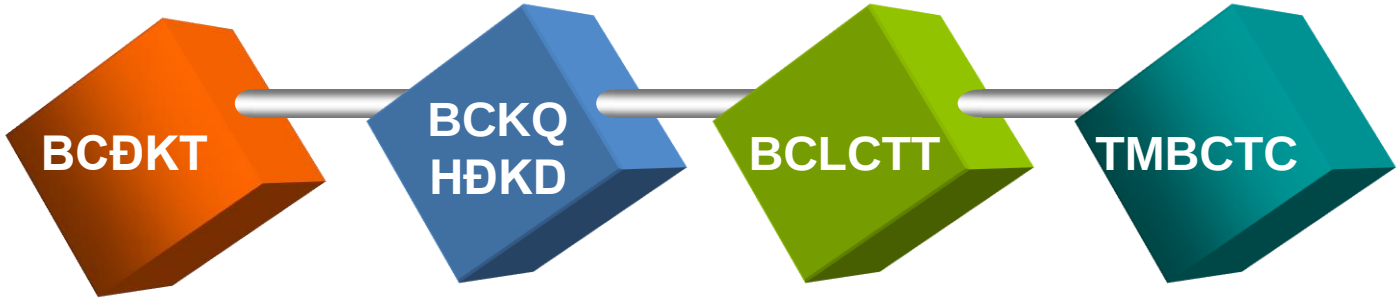

BCĐKT	BCKQ HĐKD	BCLCTT	TMBCTC
Trình bày tình hình tài chính của DN tại một thời điểm.	Thể hiện tình hình kinh doanh của DN trong 1 kỳ nhất định	Luồng tiền hình thành và sử dụng của DN trong 1 kỳ nhất định	Giải thích 1 số thông tin trên các BCTC

CHUẨN MỰC CHUNG

CÁC YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG CỦA BCTC

1. Trung thực (Faithful Presentation)
2. Khách quan (Neutrality)
3. Đầy đủ (Completeness)
4. Kịp thời (Timeliness)
5. Dễ hiểu (Understandability)
6. Có thể so sánh được (Comparability)

CÁC YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG CỦA BCTC

1 Trung thực (Faithful Presentation)

- Các thông tin và số liệu kế toán phải được ghi chép và báo cáo trên cơ sở các bằng chứng đầy đủ, khách quan và đúng với thực trạng, bản chất nội dung và giá trị của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2 Khách quan (Neutrality)

- Các thông tin và số liệu kế toán phải được ghi chép và báo cáo đúng với thực tế, không bị xuyên tạc, không bị bóp méo và có thể kiểm chứng được..

CÁC YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG CỦA BCTC

3 Đầy đủ (Completeness)

- Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến kỳ kế toán phải được ghi chép và báo cáo đầy đủ, không bị bỏ sót.

4 Kịp thời (Timeliness)

- Các thông tin và số liệu kế toán phải được ghi chép và báo cáo kịp thời, đúng hoặc trước thời hạn quy định không được chậm trễ.

CÁC YÊU CẦU CHẤT LƯỢNG CỦA BCTC

5 Dễ hiểu (Understandability)

- Các thông tin và số liệu trình bày trên BCTC phải rõ ràng, dễ hiểu đối với người sử dụng. Người sử dụng ở đây được giả thiết là có một kiến thức nhất định về kinh tế, kinh doanh, kế toán. Thông tin về những vấn đề phức tạp trong BCTC phải được giải trình trong phần thuyết minh.

6 Có thể so sánh được (Comparability)

- Các thông tin và số liệu kế toán giữa các kỳ kế toán trong một DN và giữa các DN chỉ có thể so sánh được khi được tính toán và trình bày nhất quán. Trường hợp không nhất quán thì phải giải trình trong phần thuyết minh để người sử dụng BCTC có thể so sánh thông tin giữa các kỳ kế toán, giữa các DN hoặc giữa thông tin thực hiện với thông tin dự toán, kế hoạch.

CÁC YẾU TỐ CỦA BCTC

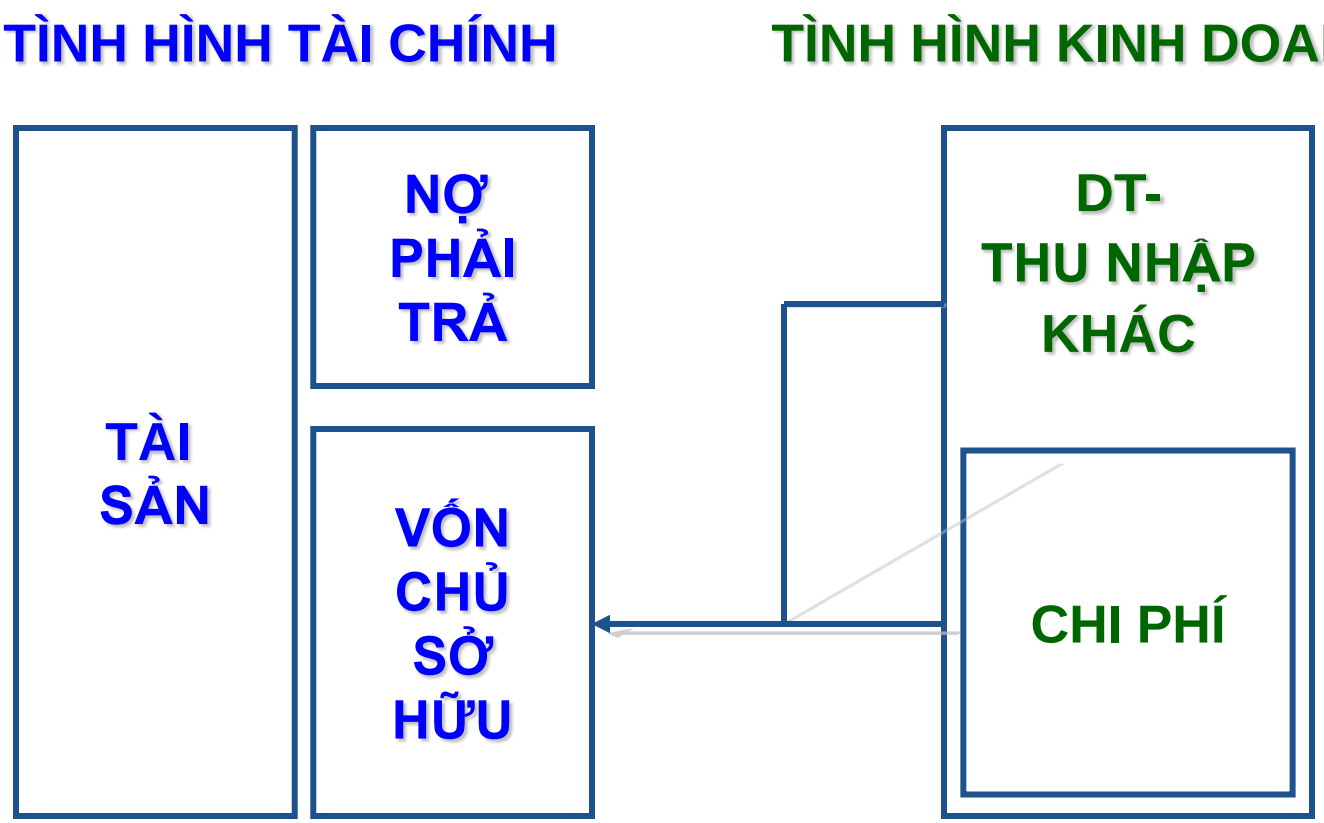

CÁC YẾU TỐ CỦA BCTC

GHI NHẬN CÁC YẾU TỐ

TÀI SẢN

ĐỊNH NGHĨA

Là nguồn lực:

-Do doanh nghiệp kiểm soát

- Là kết quả của sự kiện quá khứ

- Mong đợi mang lại lợi ích trong tương lai

ĐIỀU KIỆN GHI NHẬN

-Có khả năng mang lại lợi ich kinh tế trong tương lai (inflow of FEB)

- Có giá gốc hoặc giá trị có thể xác định đáng tin cậy

CÁC YẾU TỐ CỦA BCTC

GHI NHẬN CÁC YẾU TỐ

NỢ PHẢI TRẢ

ĐỊNH NGHĨA

- Nghĩa vụ nợ hiện tại của DN
- Phát sinh từ một sự kiện trong quá khứ
- DN phải thanh toán từ các nguồn lực của mình

ĐIỀU KIỆN GHI NHẬN

- Có khả năng DN phải bỏ ra các lợi ích kinh tế để thanh toán (outflow)
- Khoản NPT đó phải được xác dịnh một cách đáng tin cậy

CÁC YẾU TỐ CỦA BCTC

GHI NHẬN CÁC YẾU TỐ

VỐN CHỦ SỞ HỮU

ĐỊNH NGHĨA

- Là giá trị vốn của DN

- Được tính bằng số chênh lệch giữa giá trị Tài sản – NPT

- VCSH gồm: vốn của nhà đầu tư, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận giữ lại, các quỹ, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá và chênh lệch đánh giá lại tài sản

CÁC YẾU TỐ CỦA BCTC

GHI NHẬN CÁC YẾU TỐ

DOANH THU - THU NHẬP KHÁC

ĐỊNH NGHĨA

Là tổng giá trị các khoản lợi ích ktế DN thu được trong kỳ:

- Phát sinh từ hđ SXKD thông thường và các hoạt động khác của DN
- Làm tăng VCSH nhưng không phải do góp vốn của cổ đông hoặc CSH

ĐIỀU KIỆN GHI NHẬN

- Khi có sự tăng lợi ích kinh tế trong tương lai liên quan đến sự gia tăng tài sản hay giảm nợ phải trả (inflow)
- Số tiền này phải được xác định một cách đáng tin cậy.

CÁC YẾU TỐ CỦA BCTC

GHI NHẬN CÁC YẾU TỐ

- **CHI PHÍ**

ĐỊNH NGHĨA

Là tổng giá trị các khoản lợi ích kinh tế trong kỳ giảm xuống:

-Do giảm tài sản hoặc tăng nợ phải trả

- Làm giảm VCSH nhưng không phải do phân phối vốn cho cổ đông hay CSH

ĐIỀU KIỆN GHI NHẬN

- Khi có lợi ích kinh tế trong tương lai giảm xuống liên quan đến giảm tài sản hay tăng nợ phải trả (outflow)

- Số tiền phải xác định được một cách đáng tin cậy

CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN

Doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 5 hình thức kế toán dưới đây:

- **Hình thức kế toán Nhật ký chung**
- **Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái**
- **Hình thức Chứng từ ghi sổ**
- **Hình thức Nhật ký chứng từ**
- **Hình thức kế toán trên máy**

CHU TRÌNH KẾ TOÁN

ACCOUNTING CYCLE

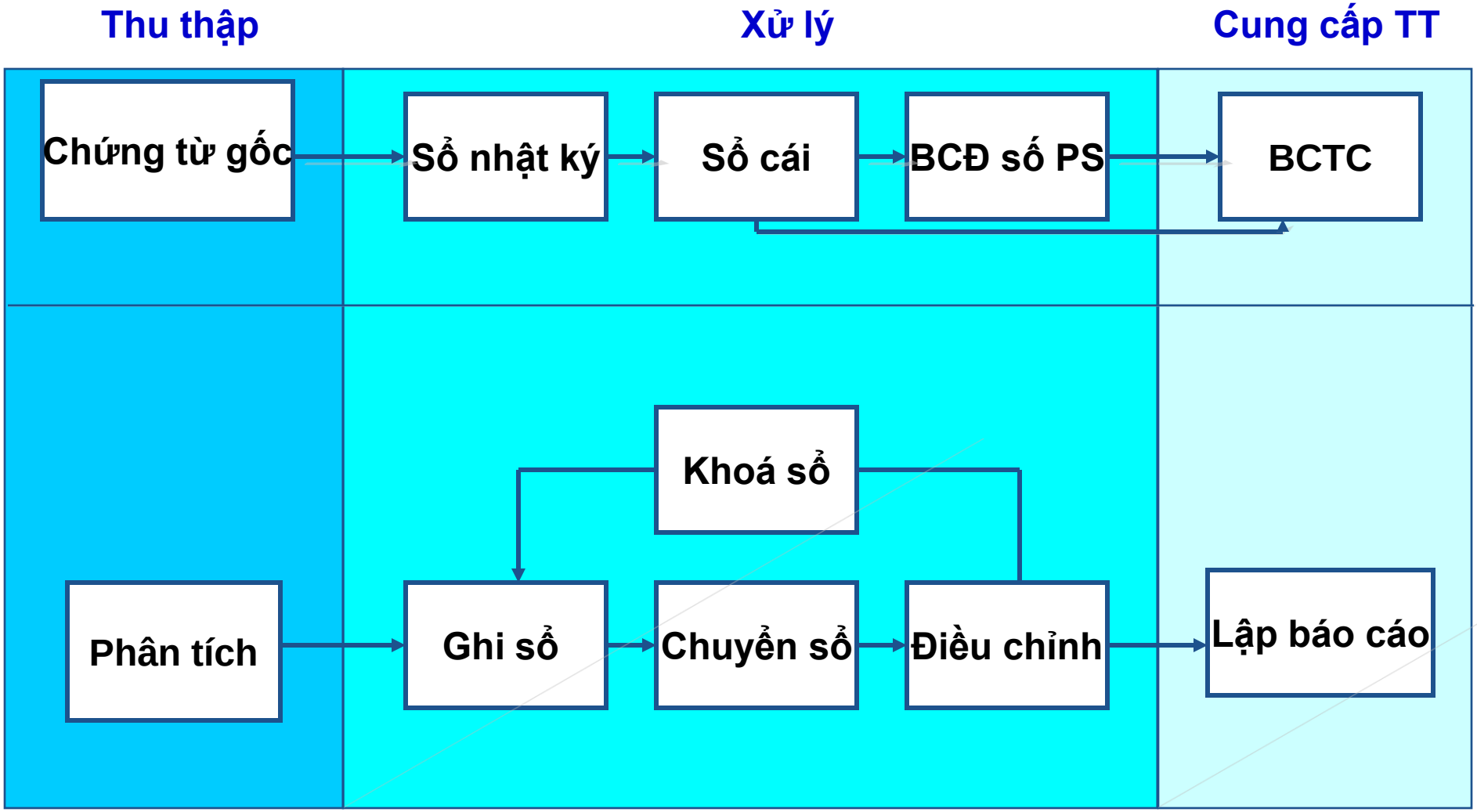

CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN
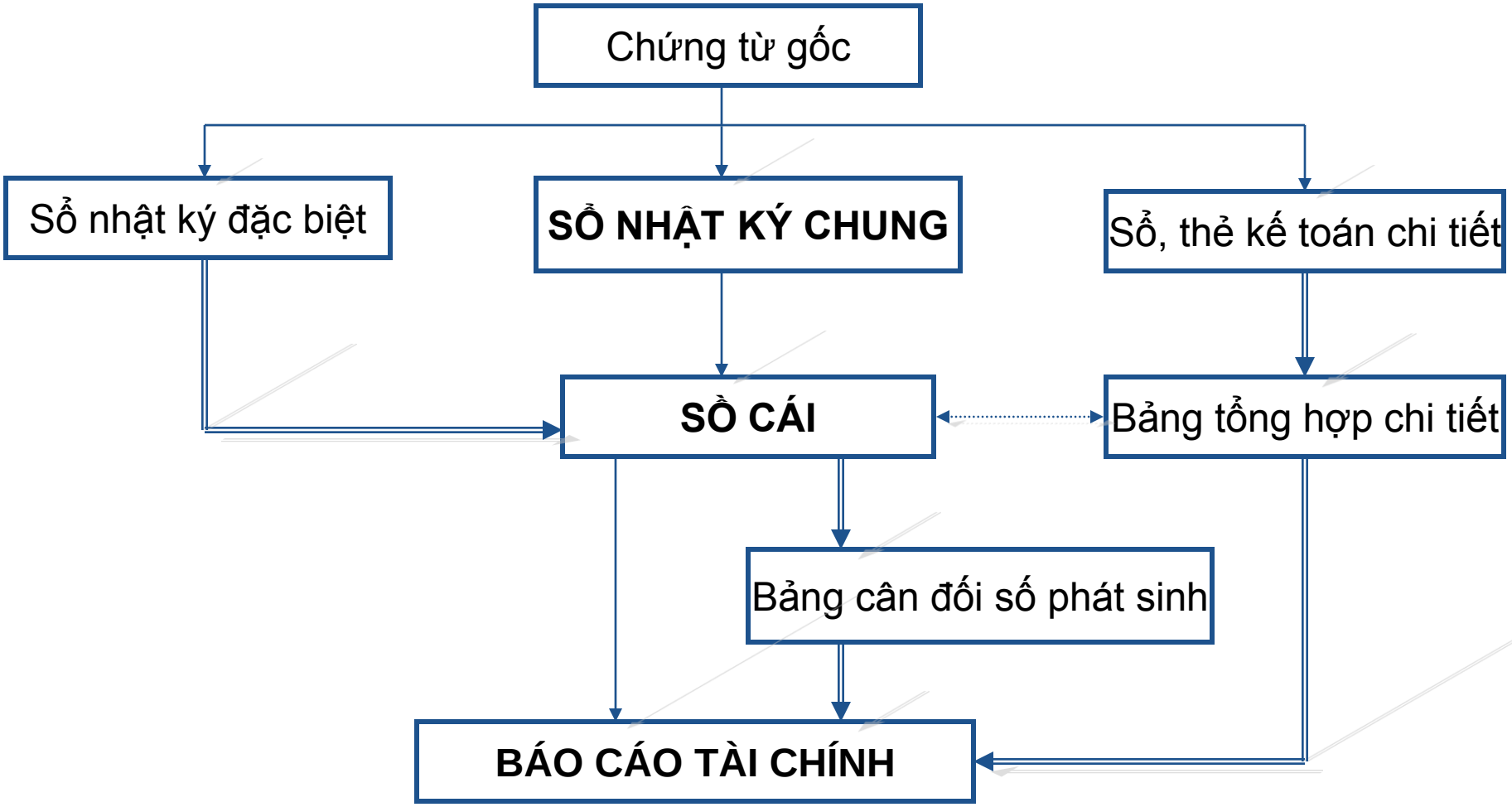
HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG